

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2023/HS-ST
Ngày: 12-5-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn C

Bà Vương Thị K

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu L - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 119/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2023; Thông báo dời lịch xét xử số 39/TB-TA ngày 13/4/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Vũ Ngọc B**, sinh năm: 1982; tại Đ.

Nơi thường trú: Số 29, đường 42, phường 4, quận 4, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Số 32C7, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giúp việc; con ông Đặng Hữu N, sinh năm 1965 và bà Vũ Thị M, sinh năm: 1966 (Đã chết). Bị cáo có chồng là Trần Thanh D, sinh năm 1973 có 01 con là Trần Đăng K, sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại.

Bị hại:

1. Chị **Ngô Thị L**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 18C/19, tổ 29, khu phố 3A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Chị **Trần Thị H**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh H.

(Bị cáo Đặng Vũ Ngọc B có mặt tại phiên tòa, chị L, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Vũ Ngọc B là người giúp việc nhà cho chị Ngô Thị L, địa chỉ tại 18C/19, tổ 29, khu phố 3A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ từ tháng 6/2020. Quá trình làm việc, B thấy chị L sơ hở trong việc quản lý tài sản nên đã nhiều lần trộm cắp mà cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 13/9/2020, trong lúc B đang dọn nhà cho chị L, lợi dụng lúc chị L không để ý, B lén vào phòng ngủ của chị L lấy trộm số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) chị L để trong ví màu đỏ bên trong phòng ngủ sau đó đi ra ngoài.

Lần thứ hai: Ngày 20/9/2020, B đang dọn dẹp nhà cho chị L, lợi dụng lúc chị L đang nấu ăn không để ý, B lén vào phòng ngủ của chị L thì phát hiện túi xách chị L để trên đầu giường nên B mở túi xách ra và lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 8,5 chỉ giấu vào túi quần. Đến ngày 23/9/2020, B mang sợi dây chuyền đến tiệm vàng K tại địa chỉ số 10A, khu phố 8, phường T, thành phố B, do anh Trịnh Văn C làm chủ, bán được số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), tiêu xài hết.

Lần thứ ba: Vào ngày 05/10/2020, trong lúc dọn dẹp nhà cho chị L, lợi dụng lúc chị L không để ý, B lén vào phòng ngủ của chị L lấy trộm số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) chị L để trong túi xách màu xanh treo trên giá phơi quần áo.

Lần thứ tư: Ngày 19/11/2020, chị Trần Thị H (thường trú tại thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh H) đến nhà chị L chơi và có để túi xách màu đen trên giường trong phòng ngủ của chị L. Lợi dụng lúc chị H và chị L ngồi ở phòng khách không để ý, B lén vào phòng ngủ của chị L, lục túi xách của chị H và lấy trộm số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ năm: Ngày 15/11/2020, trong lúc dọn dẹp nhà cho chị L, lợi dụng lúc chị L để chìa khoá tủ trên bàn trong phòng khách, B lấy trộm chìa khoá tủ của chị L rồi đi làm một chìa khoá cùng loại và để lại chìa cho chị L. Đến ngày 27/11/2020, lợi dụng lúc chị L không để ý, B dùng chìa khoá làm sẵn vào phòng ngủ chị L, mở tủ quần áo thì thấy 01 (một) chiếc ví màu đỏ nên mở ra lấy trộm được số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần thứ sáu: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 09/12/2020, trong lúc dọn dẹp nhà cho chị L, lợi dụng lúc chị L không để ý, B lén vào phòng ngủ của chị L lấy trộm số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) bên trong chiếc ví màu đỏ đang định cất chiếc ví về vị trí cũ, bên trong chiếc ví còn số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) thì bị chị L phát hiện, báo Công an phường T, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 8,5 chỉ, Bích mang bán tại tiệm vàng K. Ông Trịnh Văn C không xác định có mua sợi dây chuyền trên của B hay không, hiện không thu hồi được.

- 01 (Một) chiếc ví màu đỏ và số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho chị Ngô Thị L.

- 01 (Một) chìa khoá bằng kim loại, có 04 (Bốn) rãnh, hình trái khế.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 125/TCKH-HĐĐG ngày 27/3/2021, của Hội đồng định giá tài sản thành phố B đã kết luận: “01 (Một) sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 8,5 chỉ có giá trị tài sản định giá là 44.072.500.000đ (Bốn mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng)”.

Về dân sự: Đặng Vũ Ngọc B đã bồi thường giá trị tài sản và số tiền đã trộm cắp cho chị Ngô Thị L và chị Trần Thị H. Hiện chị L và chị H không yêu cầu bồi thường. (Đã được giải quyết theo bản án số 517/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Toà án nhân dân thành phố B).

Tại bản Cáo trạng số 136/CT-VKSBH ngày 07/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy tố bị cáo Đặng Vũ Ngọc B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Đặng Vũ Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản” xử phạt bị cáo B mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, bị cáo Đặng Vũ Ngọc B đã thừa nhận vào ngày 13/10/2020, Đặng Vũ Ngọc B đã có hành vi trộm cắp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) của chị Ngô Thị L. Ngày 20/9/2020, B trộm cắp 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 8,5 chỉ trị giá 44.072.500.000đ (Bốn mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng) của chị L. Ngày 05/10/2020, B trộm cắp của chị L số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ngày 19/11/2020, B trộm cắp của chị Trần Thị H số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 27/11/2020, B trộm cắp của chị L số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 09/12/2020, B tiếp tục trộm cắp số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của chị L thị bị bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản và số tiền B trộm cắp là 56.972.500đ (Năm mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Vũ Ngọc B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật. Biết hành vi trộm cắp tài là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện là thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt và cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Người phạm tội đã bồi thường thiệt hại; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn bãi nại (quy định điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự).

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên (điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự)

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 8,5 chỉ, Bích mang bán tại tiệm vàng K. Ông Trịnh Văn C không xác định có mua sợi dây chuyền trên của B hay không, hiện không thu hồi được.

- 01 (Một) chiếc ví màu đỏ và số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả cho chị Ngô Thị L là phù hợp.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chìa khoá bằng kim loại, có 04 (Bốn) rãnh, hình trái khế.

(Đã được giải quyết theo bản án số 517/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Toà án nhân dân thành phố B).

Đối với tình tiết tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo khai chỉ trộm cắp 04 lần và sợi dây chuyền vàng trộm cắp của chị L là vàng 18K và bán được chỉ 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Quá trình điều tra lại, bị cáo đã khai nhận tại phiên xử phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đ, do bị cáo hoảng sợ và muốn được giảm nhẹ hình phạt nên khai là lấy trộm chỉ có 04 lần và bị cáo nghĩ bán sợi dây chuyền vàng chỉ được 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) nên nghĩ sợi dây chuyền vàng là 18K. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo thừa nhận đã trộm cắp 06 lần tại nhà chị L và sợi dây chuyền vàng đã lấy trộm là loại vàng 24K, trọng lượng 8,5 chỉ như kết quả điều tra ban đầu, do đó không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm.

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 12/5/2023 bị cáo thừa nhận bị cáo trộm 06 (sáu) lần, đồng ý kết luận số 125/TCKH-HĐĐG ngày 27/3/2021, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết theo bản án số 517/2021/HS-ST ngày 08/12/2021 của Toà án nhân dân thành phố B.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Vũ Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Đặng Vũ Ngọc B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chìa khoá bằng kim loại, có 04 (Bốn) rãnh, hình trái khế theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Về án phí: Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Vũ Ngọc B phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Bị cáo Đặng Vũ Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án, các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị B

